



Đề ôn tập Tư Tưởng HCM

Tư Tưởng Hồ Chí Minh (Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông)



Scan to open on Studocu

Chương 1: Khái niệm, ý nghĩa học tập môn Tư tưởng HCM.

- Khái niệm:
 - “Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi”.
 - *Khái niệm trên chỉ rõ:*
 - “Bản chất cách mạng, khoa học của tư tưởng Hồ Chí Minh”
Đó là hệ thống các quan điểm lý luận, phản ánh những vấn đề có tính quy luật của cách mạng Việt Nam. Tư tưởng Hồ Chí Minh là hệ thống các quan điểm toàn diện và sâu sắc về mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới. Con đường để đạt được mục tiêu đó là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Mục tiêu và con đường cách mạng của ta dựa trên nền tảng chủ nghĩa Mác-Lenin để xây dựng các hệ thống quan điểm cơ bản về chính trị, kinh tế, văn hóa, xây dựng con người xã hội chủ nghĩa...
 - Nguồn gốc, cơ sở hình thành tư tưởng HCM: Là những giá trị căn bản bền vững của chủ nghĩa Mác-Lenin, các tinh hoa văn hóa của nhân loại khác, đồng thời tư tưởng HCM cũng kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta.
 - Ý nghĩa và giá trị tư tưởng HCM: Là nền tảng lý luận và định hướng cho Đảng ta xây dựng các đường lối đúng đắn, tổ chức lực lượng cách mạng và dẫn dắt nhân dân ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác trong quá trình cách mạng của nước ta. Tư tưởng HCM và Chủ nghĩa Mác-Lenin là bộ phận cấu thành nên nền tảng tư tưởng, là hướng dẫn quan trọng cho hành động cách mạng VN.
- **Ý nghĩa học tập môn Tư tưởng HCM**
 1. **Góp phần nâng cao năng lực tư duy lý luận**

Cùng với Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trở thành nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của cách mạng Việt Nam. Chính vì vậy, môn học tư tưởng Hồ Chí Minh có vai trò quan trọng trong việc củng cố, tăng cường thế giới quan, phương pháp luận cách mạng cho người học.

Môn học tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần trang bị cho sinh viên hệ thống tri thức khoa học và toàn diện về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Thông qua đó hình thành năng lực, phương pháp giải quyết những vấn đề do cuộc sống đặt ra.

Học tập, nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm bồi dưỡng, củng cố cho sinh viên, thanh niên lập trường, quan điểm cách mạng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; tích cực, chủ động đấu tranh phê phán các quan điểm sai trái, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước ta.
 2. **Giáo dục và thực hành đạo đức cách mạng, củng cố niềm tin khoa học gắn liền với trau dồi tình cảm cách mạng, bồi dưỡng lòng yêu nước.**

Học tập tư tưởng Hồ Chí Minh, người học không những có những hiểu biết về tri thức khoa học, nâng cao trình độ tư duy lý luận mà còn hiểu biết sâu sắc và toàn diện về cuộc đời, sự nghiệp cách mạng của Hồ Chí Minh, Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hóa kiệt xuất của thế giới. Qua những tri thức đó, người học nhận thức sâu hơn về vai trò của đạo đức đối với xã hội, những phẩm chất đạo đức cần có của con người, đặc biệt là con người cách mạng. Từ nhận thức đó, người học có điều kiện tốt để thực hành đạo đức cách cách mạng, chống lại những nhận thức và hành vi đạo đức đi ngược lại những giá trị nhân văn mà cách mạng hướng tới.

Thông qua những nhận thức mà môn học mang lại, góp phần nâng cao bản lĩnh chính trị, kiên định với mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ văn minh mà Đảng, Hồ Chủ tịch và nhân dân ta đã lựa chọn. Trên cơ sở kiến thức đã học, sinh viên vận dụng vào cuộc sống, tu dưỡng, rèn luyện bản thân, hoàn thành tốt chức trách của mình, đóng góp thiết thực và hiệu quả cho sự thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

3. Xây dựng, rèn luyện phương pháp và phong cách công tác

Nghiên cứu môn học tư tưởng Hồ Chí Minh, người học có thể vận dụng để xây dựng phong cách tư, phong cách diễn đạt một vấn đề trong nhận thức. Đặc biệt, người học có thể xây dựng cho mình một phương pháp làm việc khoa học, phương pháp sinh hoạt phù hợp với điều kiện cụ thể của mình. Hơn nữa, người học có thể từng bước xây dựng, hoàn thiện phương pháp đối nhân xử thế theo phong cách Hồ Chí Minh trên tinh thần: Dĩ bất biến ứng vạn biến.

Đặc biệt, nó giúp sinh viên hiểu rõ hơn và xây dựng kế hoạch và rèn luyện tư tưởng HCM để có thể áp dụng trong cuộc sống và giúp ích cho nước nhà.

Chương 2: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển TTHCM

• Quá trình hình thành và phát triển TTHCM

Gồm 5 giai đoạn:

1. Thời kỳ hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cứu nước, trước năm 1911

– Hồ Chí Minh tiếp thu truyền thống tốt đẹp của quê hương, gia đình và của dân tộc. Sinh ra lớn lên trong một gia đình nho giáo tiến bộ, Người đã tiếp thu những truyền thống tốt đẹp của gia đình: nhân cách, ý chí nghị lực phi thường của người cha; lòng độ lượng bao dung, nhân hậu của người mẹ; tinh thần yêu nước quật cường chống ngoại xâm cũng như tinh thần hiếu học của vùng quê nghèo xứ Nghệ.

– Tiếp thu các nền giáo dục nho học, quốc học và tân học. Bên cạnh học Khổng giáo Người đã tiếp xúc với nhiều loại sách báo tiến bộ ở các trường, lớp tại Vinh, tại kinh đô Huế, hiểu rõ tình cảnh nước nhà bị giặc ngoại xâm đô hộ, Hồ Chí Minh sớm có tư tưởng yêu nước và thể hiện rõ tư tưởng yêu nước trong hành động.

– Hồ Chí Minh đã tham gia phong trào chống thuế ở Trung Kỳ. Là thầy giáo ở Trường Dục Thanh, Phan Thiết, khi dạy học cũng như trong sinh hoạt, Hồ Chí Minh thường đem hết nhiệt tình truyền thụ cho học sinh lòng yêu nước và những suy nghĩ về vận mệnh nước nhà.

– Điểm đặc biệt của tuổi trẻ Hồ Chí Minh là suy ngẫm sâu sắc về Tổ quốc và thời cuộc. Tuy rất khâm phục tinh thần yêu nước của các vị tiền bối cách mạng nổi tiếng như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Hoàng Hoa Thám, v.v. nhưng Người sáng suốt phê phán, không tán thành, không đi theo con đường, phương pháp, khuynh hướng cứu nước của các vị đó. Hồ Chí Minh muốn tìm hiểu những gì ẩn giấu sau sức mạnh của kẻ thù và học hỏi kinh nghiệm cách mạng trên thế giới. Ngày 5-6-1911, Hồ Chí Minh *đi ra nước ngoài tìm con đường cứu nước, cứu dân*.

2. Thời kỳ tìm kiếm và xác định con đường cứu nước, giải phóng dân tộc (1911 -1920)

– Hồ Chí Minh đến nhiều nước trên thế giới để tìm hiểu, khảo sát, lựa chọn con đường cứu nước. Qua cuộc hành trình này, ở Người *hình thành một nhận thức mới*: Nhân dân lao động các nước, trong đó có **giai cấp** công nhân, đều bị bóc lột có thể là bạn của nhau; còn chủ nghĩa đế quốc, bọn thực dân ở đâu cũng là kẻ bóc lột, là kẻ thù của nhân dân lao động.

– Năm 1919, Người thay mặt những người Việt Nam yêu nước ở Pháp, lấy tên là Nguyễn Ái Quốc, gửi *Yêu sách của nhân dân An Nam* tới Hội nghị Vécxây, đòi quyền tự do, dân chủ cho nhân dân Việt Nam. Đây là tiếng nói chính nghĩa đầu tiên của đại biểu phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam trên diễn đàn quốc tế. Tiếng nói chính nghĩa đó có ảnh hưởng lớn tới các phong trào yêu nước ở Việt Nam.

– Hồ Chí Minh đã tìm thấy và xác định rõ *phương hướng đấu tranh giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản* qua nghiên cứu “Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa vào tháng 7-1920.

– Cuối năm 1920, Hồ Chí Minh cùng những người phái tả trong Đảng Xã hội Pháp tại Đại hội ở thành phố Tua, bỏ phiếu tán thành Quốc tế Cộng sản, tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên. Đây là bước ngoặt quan trọng trong cuộc đời của Hồ Chí Minh, bước ngoặt chủ nghĩa yêu nước kết hợp chặt chẽ với lập trường cách mạng vô sản.

3. Thời kỳ hình thành những nội dung cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam (1920 -1930)

– Đây là thời kỳ Hồ Chí Minh hoạt động lý luận và thực tiễn sôi nổi, phong phú ở nhiều nơi trên thế giới: Pháp (1921-1923), Liên Xô (1923-1924), Trung Quốc(1924-1927), Thái Lan (1928-1929), đẩy mạnh hoạt động lý luận chính trị, tổ chức, chuẩn bị cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam để lãnh đạo cách mạng Việt

– Thông qua báo chí và các hoạt động thực tiễn Người tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Các tác phẩm như Bản án chế độ thực dân Pháp (1925), Đường Kách mệnh (1927) và nhiều bài viết của Hồ Chí Minh trong thời kỳ này thể hiện những quan điểm độc đáo, sáng tạo của Người về con đường cách mạng Việt Nam.

– Cũng trong thời kỳ này, Hồ Chí Minh sáng lập tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản: Hội Việt Nam Thanh niên Cách mạng (tháng 6- 1925), ra báo *Thanh niên* bằng tiếng Việt, từng bước

truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin và lý luận cách mạng trong những người yêu nước và công nhân.

– Hồ Chí Minh chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Việt Nam, thông qua các văn kiện do Người khởi thảo (đầu năm 1930). Các văn kiện này là *Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam*, trong đó chính thức khẳng định rõ những quan điểm cơ bản về đường lối, phương pháp cách mạng Việt Nam, việc tổ chức, xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam thành một tổ chức lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

– Hồ Chí Minh thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam với Cương lĩnh chính trị đúng đắn và sáng tạo đã *chấm dứt cuộc khủng hoảng về đường lối và tổ chức lãnh đạo cách mạng Việt Nam kéo dài suốt từ cuối thế kỷ XIX sang đầu năm 1930*.

4. Thời kỳ vượt qua thử thách, giữ vững đường lối cách mạng đúng đắn, sáng tạo (1930 -1941)

– Do chịu ảnh hưởng quan điểm giáo điều tả khuynh và không nắm vững tình hình các dân tộc thuộc địa, Quốc tế Cộng sản và Đảng Cộng sản Đông Dương có những nhìn nhận sai lầm về Hồ Chí Minh. Những tư tưởng mới mẻ, đúng đắn, sáng tạo của Hồ Chí Minh trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên chẳng những không được hiểu và chấp nhận mà còn bị phê phán, bị coi là “hữu khuynh”, “dân tộc chủ nghĩa”.

– Hội nghị Trung ương Đảng họp tháng 10-1930 ra nghị quyết cho rằng: Hội nghị hợp nhất Đảng do Nguyễn Ái Quốc chủ trì có nhiều sai lầm, “chỉ lo đến việc phản đế mà quên mất lợi ích giai cấp tranh đấu, ấy là một sự rất nguy hiểm”, việc phân chia thành trung, tiểu, đại địa chủ trong sách lược của Đảng là không đúng. Hội nghị ra án nghị quyết: “Thủ tiêu chánh cương, sách lược và điều lệ Đảng”; đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Đông Dương, hoạt động theo như chỉ thị của Quốc tế Cộng sản, v.v

– Thoát khỏi nhà tù của thực dân Anh ở Hồng Kông, cuối năm 1932, Hồ Chí Minh trở lại Liên Xô, vào học Trường Quốc tế Lênin. Sau đó, Người làm nghiên cứu sinh tại Ban Sử của Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa của Quốc tế Cộng sản. Trong quãng thời gian từ năm 1932 đến năm 1938, Hồ Chí Minh vẫn còn bị hiểu lầm về một số hoạt động thực tế và quan điểm cách mạng. Người kiên trì giữ vững con đường cách mạng, viết thư cho Quốc tế cộng sản đề nghị được tiếp tục hoạt động cách mạng.

– Đầu năm 1941, Hồ Chí Minh về nước tại Pác Bó- Cao Bằng, với tư cách cán bộ Quốc tế Cộng sản, Người chủ trì Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Hội nghị này đã đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu. Người khẳng định rõ: “Trong lúc này quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy. Chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn Việt gian đang cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa nóng”.

– Trải qua sóng gió, thử thách, những quan điểm cơ bản nhất về đường lối cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam của Hồ Chí Minh được Đảng khẳng định đưa vào thực tiễn tổ chức nhân dân biến thành các phong trào cách mạng để dẫn tới thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

5. Thời kỳ tư tưởng Hồ Chí Minh phát triển và thắng lợi (1941 -1969)

– Trong thời kỳ này, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng cơ bản là thống nhất, lãnh đạo cách mạng Việt Nam chuẩn bị lực lượng, đón thời cơ khởi nghĩa, giành chính quyền. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, giành lại độc lập dân tộc. Đây là thắng lợi to lớn của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt

– Ngày 2-9-1945, Hồ Chí Minh đọc *Tuyên ngôn Độc lập*. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời, mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc Việt Nam – kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

– Từ 1945 -1969, Hồ Chí Minh với cương vị đứng đầu Đảng và Nhà nước ta, trực tiếp lãnh đạo hai cuộc kháng chiến và xây dựng CNXH ở miền Bắc, tư tưởng Hồ Chí Minh được *bổ sung phát triển hệ thống quan điểm cơ bản của cách mạng Việt Nam trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, quân sự, văn hoá, đạo đức, đối ngoại*, v.v...nhằm hướng tới mục tiêu nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, dân chủ, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

– Trước khi đi xa, Người để lại *Di chúc*, một văn kiện lịch sử vô giá, kết tinh tư tưởng, trí tuệ, tâm hồn, đạo đức, phong cách của một lãnh tụ cách mạng, anh hùng dân tộc vĩ đại, nhà tư tưởng lỗi lạc, nhà văn hóa kiệt xuất, suốt đời vì dân, vì nước. Điều mong muốn cuối cùng của Hồ Chí Minh là: “Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”.

– Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục được Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng và phát triển trong thực tiễn cách mạng Việt Nam.

– Cơ sở khách quan

+ Hoàn cảnh lịch sử:

Tình hình trong nước, chính quyền triều Nguyễn đã từng bước khuất phục trước cuộc xâm lược của thực dân Pháp, lần lượt ký kết các hiệp ước đầu hàng, thừa nhận nền bảo hộ của chúng trên toàn cõi Việt Nam. Đầu thế kỷ XX, các cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp khiến cho xã hội nước ta có sự biến chuyển và phân hóa.

Tình hình quốc tế, cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX chủ nghĩa tư bản từ giai đoạn cạnh tranh tự do chuyển sang giai đoạn độc quyền, xác lập quyền thống trị của chúng trên phạm vi toàn thế giới.

– Những tiền đề tư tưởng, lý luận

+ Truyền thống tốt đẹp của dân tộc, trước hết là chủ nghĩa yêu nước Việt Nam

Tư tưởng Hồ Chí Minh bắt nguồn từ truyền thống cần cù lao động, anh dũng chiến đấu trong dựng nước và giữ nước, truyền thống đoàn kết, sống có tình, có nghĩa, nhân ái Việt Nam. Trong những truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam thì chủ nghĩa yêu nước là dòng chảy xuyên suốt lịch sử dân tộc.

Chính truyền thống yêu nước của dân tộc đã trở thành sức mạnh động lực mạnh mẽ thúc giục Nguyễn Tất Thành (Hồ Chí Minh) đi tìm đường cứu nước vào năm 1911. Đó là động lực chi phối mọi suy nghĩ, hành động của Người trong suốt cả cuộc đời hoạt động cách mạng. Đó cũng

chính là cơ sở tư tưởng đã dẫn dắt Người đến với chủ nghĩa Mác – Lênin. Hồ Chí Minh viết: *“Lúc đầu, chính là chủ nghĩa yêu nước, chứ chưa phải chủ nghĩa cộng sản đã đưa tôi tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba”*.

+ Tinh hoa văn hoá nhân loại

Sự kết hợp của văn hóa phương Tây và văn hóa Phương Đông

Cùng với chủ nghĩa yêu nước, Hồ Chí Minh còn chịu ảnh hưởng của văn hoá phương Đông. Người cũng đã tiếp thu và kế thừa có phê phán tư tưởng dân chủ, nhân văn của văn hoá Phục hưng, thế kỷ Ánh sáng, của cách mạng tư sản phương Tây và cách mạng Trung Quốc.

Trước khi đến với chủ nghĩa Mác – Lênin, Hồ Chí Minh đã quan tâm nghiên cứu, tìm hiểu tư tưởng dân chủ tư sản Pháp, Mỹ, đặc biệt là tư tưởng Tự do, Bình đẳng, Bác ái, chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn (Trung Quốc)... Người đã vận dụng và phát triển các trào lưu tư tưởng học thuyết ấy lên một trình độ mới phù hợp với dân tộc và thời đại mới.

Như vậy, trong quá trình hình thành phát triển tư tưởng của mình, Hồ Chí Minh đã kế thừa có chọn lọc tinh hoa văn hoá phương Đông phương Tây, nâng lên một trình độ mới trên cơ sở phương pháp luận Mác-xít – Lênin-nít.

+ Chủ nghĩa Mác – Lênin

Khi ra đi tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã đến nhiều nước thuộc địa và nhiều nước tư bản đế quốc. Trong khoảng thời gian đó, Hồ Chí Minh được bổ sung thêm những nhận thức mới về những gì ẩn dấu đằng sau các từ Tự do, Bình đẳng, Bác ái. Khoảng cuối năm 1917, khi trở lại Pari, Hồ Chí Minh đã làm quen với nhiều nhà hoạt động chính trị, xã hội của nước Pháp và nhiều nước trên thế giới. Năm 1919, Hồ Chí Minh tham gia Đảng Xã hội Pháp (SFIO), một đảng tiến bộ lúc bấy giờ thuộc Quốc tế II.

Việc Hồ Chí Minh tiếp thu bản Luận cương của Lênin tháng 7-1920 và trở thành người cộng sản vào cuối năm đó đã tạo nên bước ngoặt căn bản trong tư tưởng của Người. Thế giới quan và phương pháp luận Mác – Lênin đã giúp Hồ Chí Minh nhìn nhận, đánh giá phân tích tổng kết các học thuyết, tư tưởng, đường lối các cuộc cách mạng một cách khoa học; cùng với kinh nghiệm hoạt động thực tiễn của mình để đề ra con đường cách mạng giải phóng dân tộc đúng đắn.

Có thể khẳng định rằng Chủ nghĩa Mác – Lênin là nguồn gốc lý luận cơ sở chủ yếu nhất của sự hình thành phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.

Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 thành công và sự ra đời của Quốc tế Cộng sản (tháng 3-1919), phong trào công nhân trong các nước tư bản chủ nghĩa phương Tây và phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa phương Đông đã có quan hệ với nhau trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc.

Kết luận: Hoàn cảnh lịch sử ra đời tư tưởng Hồ Chí Minh chính là sự vận động, phát triển của tư tưởng yêu nước Việt Nam những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX; là sự gặp gỡ giữa trí tuệ mẫn cảm, thiên tài của Hồ Chí Minh với trí tuệ thời đại - chủ nghĩa Mác - Lênin. Từ sự tiếp thu nhận thức ban đầu, trong quá trình hoạt động cách mạng, lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo, bổ sung, phát triển những quan điểm mới, tạo thành hệ thống tư tưởng của Người.

Chương 3: Tư tưởng HCM về độc lập dân tộc và CNXH

- TTHCM về cách mạng giải phóng dân tộc.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa có thể tóm tắt thành một hệ thống luận điểm như sau:

1) Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường của cách mạng vô sản:

– Thất bại của các phong trào yêu nước cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX ở nước ta là do chưa có đường lối và phương pháp đấu tranh đúng đắn khi chủ nghĩa đế quốc đã thành một hệ thống thế giới. Chủ nghĩa đế quốc vừa tranh giành nhau xâm lược thuộc địa vừa liên kết với nhau trong việc đàn áp phong trào đấu tranh giành độc lập của các dân tộc thuộc địa.

– Các nước thuộc địa chẳng những cung cấp nguyên liệu mà còn cung cấp binh lính cho quân đội đế quốc nhằm đàn áp các phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân ở chính quốc.

– Trong cuộc đấu tranh tự giải phóng, giai cấp vô sản ở chính quốc và nhân dân các thuộc địa có chung một kẻ thù, vì vậy phải phối hợp hành động và cổ vũ lẫn nhau.

Từ đầu những năm 20 thế kỷ XX, Nguyễn Ái Quốc đã chỉ rõ: chủ nghĩa đế quốc là một con đũa có... Từ đó phải kết hợp cách mạng vô sản ở chính quốc với ***cách mạng giải phóng dân tộc*** ở thuộc địa; phải xem cách mạng ở thuộc địa như là “một trong những cái cách của cách mạng vô sản”, phát triển nhịp với cách mạng vô sản; mặt khác ***cách mạng giải phóng dân tộc*** muốn thắng lợi phải theo *con đường cách mạng vô sản*, tức là phải đi theo đường lối Mác Lênin.

2) Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo:

Nguyễn Ái Quốc đã sớm khẳng định: muốn giải phóng dân tộc thành công “Trước hết phải có đảng cách mệnh. Đảng có vững chắc mệnh mới thành công... Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt... Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin”. Như vậy Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định: ***cách mạng giải phóng dân tộc*** muốn thắng lợi phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng của giai cấp công nhân, Đảng đó phải được xây dựng theo các nguyên tắc Đảng kiểu mới của Lênin, được vũ trang bằng chủ nghĩa Mác Lênin.

Các lãnh tụ yêu nước tiền bối cũng đã bước đầu nhận thức được tầm quan trọng và vai trò của chính đảng cách mạng. Phan Chu Trinh đã nói: ngày nay, muốn có độc lập, tự do, phải có đoàn thể, nhưng ông chỉ kịp nói mà không kịp làm. Phan Bội Châu đã tổ chức ra Đảng Việt Nam Quang phục hội, sau dự định cải tổ nó thành Việt Nam Quốc dân đảng theo kiểu Tôn Trung Sơn, nhưng ông chưa kịp thực hiện thì đã bị bắt, bị đưa về giam lỏng tại Huế.

Dù đã thành lập hay chưa thì các đảng kiểu đó cũng không thể lãnh đạo ***cách mạng giải phóng dân tộc đi đến thành công***, vì nó thiếu một đường lối chính trị đúng đắn và một đường lối tổ chức chặt chẽ; lại không có cơ sở rộng rãi trong quần chúng, nên sớm muộn cũng rơi vào tan rã và thất bại.

3) Cách mạng giải phóng dân tộc là sự nghiệp đoàn kết của toàn dân, trên cơ sở liên minh công nông:

– ***Cách mạng giải phóng dân tộc*** như Nguyễn Ái Quốc viết “là việc chung cả dân chúng chứ không phải việc một hai người”, vì vậy phải đoàn kết toàn dân, “sĩ, công, nông, thương đều nhất trí chống lại cường quyền”. Nhưng trong sự tập hợp rộng rãi đó, Người nhắc nhở không được quên cái cốt của nó là công- nông. Phải nhớ: “Công nông là người chủ cách mệnh... Công nông là gốc cách mệnh”.

– Trong phạm vi của ***cách mạng giải phóng dân tộc*** mà đối tượng cần đánh đổ trước hết là bọn đế quốc và địa chủ phong kiến tay sai nhằm giành lại độc lập dân tộc và dân chủ cho nhân dân,

trước hết là nông dân, nên Nguyễn Ái Quốc chủ trương cần vận động, tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân Việt Nam đang mất nước, đang bị làm nô lệ trong một mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi nhằm huy động sức mạnh của toàn dân tộc đấu tranh giành độc lập tự do.

– Người đã viết trong Sách lược vắn tắt tại Hội nghị thành lập Đảng đầu năm 1930: “Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, thanh niên, tân Việt..., để kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp. Còn đối với bọn phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập. Bộ phận nào đã rõ mặt phản cách mạng (Đảng Lập hiến, v.v...) thì phải đánh đổ.

– Do chưa phân biệt được sự khác nhau giữa yêu cầu mục tiêu của cách mạng vô sản ở các nước tư bản phát triển với **cách mạng giải phóng dân tộc** ở thuộc địa, lại chịu sự chi phối của quan điểm “tả” khuynh của đường lối “giai cấp chống giai cấp” đang tồn tại trong Quốc tế Cộng sản lúc bấy giờ, nên đã có ý kiến cho rằng Nguyễn Ái Quốc quá chú trọng vấn đề dân tộc, “chỉ nghĩ đến việc phân đế mà quên mất lợi ích giai cấp đấu tranh”, v.v...

– Thực ra, trong khi chủ trương đoàn kết, tập hợp rộng rãi các lực lượng dân tộc chống đế quốc, Hồ Chí Minh vẫn nhắc nhở phải quán triệt quan điểm giai cấp: “Công nông là gốc cách mệnh; còn học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ cũng bị tư sản áp bức, song không cực khổ bằng công nông, ba hạng ấy chỉ là bầu bạn cách mệnh của công nông thôi”. Và trong khi liên lạc với các giai cấp, phải rất cẩn thận, không khi nào nhượng một chút lợi ích gì của công nông mà đi vào đường lối thỏa hiệp”.

4) Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc:

– Đây là một điểm mới mẻ và sáng tạo của Hồ Chí Minh. Trong phong trào cộng sản quốc tế, như đã nói ở trên, đã từng tồn tại quan điểm xem thắng lợi của *cách mạng thuộc địa* phụ thuộc trực tiếp vào thắng lợi của cách mạng vô sản ở chính quốc. Tuyên ngôn thành lập Quốc tế Cộng sản năm 1919 có đoạn viết: “Công nhân và nông dân không những ở An Nam, Angiêri, Bengan mà cả Ba Tư hay Ácmênia chỉ có thể giành được độc lập khi mà công nhân các nước Anh và nước Pháp lật đổ được Lôiit Gioócgiơ và Clê măngxô, giành chính quyền nhà nước vào tay mình”.

Những luận cương về phong trào cách mạng trong các nước thuộc địa và nửa thuộc địa được thông qua Đại hội VI Quốc tế Cộng sản, ngày 1-9-1928 viết: “Chỉ có thể thực hiện hoàn toàn công cuộc giải phóng các thuộc địa khi giai cấp vô sản giành được thắng lợi ở các nước tư bản tiên tiến”. Quan điểm này, vô hình trung đã giảm tính chủ động, sáng tạo của các *phong trào cách mạng* ở thuộc địa.

– Phát biểu tại Đại hội V Quốc tế Cộng sản (1924) Nguyễn Ái Quốc đã phân tích: “Vận mệnh giai cấp vô sản thế giới và đặc biệt là vận mệnh giai cấp vô sản ở các nước đi xâm lược thuộc địa gắn chặt với vận mệnh của giai cấp bị áp bức ở các thuộc địa... nọc độc và sức sống của con rắn độc tư bản chủ nghĩa đang tập trung ở các thuộc địa”, nếu khinh thường cách mạng ở thuộc địa tức là “muốn đánh rắn đặng đuôi”.

– Vận dụng công thức của Các Mác: “Sự giải phóng giai cấp công nhân phải là sự nghiệp của bản thân giai cấp công nhân”, Nguyễn Ái Quốc đã đi tới điểm: “Công cuộc giải phóng anh em (tức nhân dân thuộc địa) chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em”.

– Do nhận thức được thuộc địa là một khâu yếu trong hệ thống của chủ nghĩa đế quốc, do đánh giá đúng đắn sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc, ngay từ năm 1924, Nguyễn Ái Quốc đã sớm cho rằng: “*Cách mạng thuộc địa không những không phụ thuộc vào cách mạng vô sản ở chính quốc mà có thể giành thắng lợi trước*”, và “trong khi thủ tiêu một trong những

điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc, họ có thể giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn”.

– Đây là một luận điểm sáng tạo, có giá trị lý luận và thực tiễn rất to lớn, một cống hiến rất quan trọng vào kho tàng lý luận Mác- Lênin, đã được thắng lợi của **cách mạng giải phóng dân tộc** Việt Nam chứng minh là hoàn toàn đúng đắn.

5) Cách mạng giải phóng dân tộc phải được thực hiện bằng con đường bạo lực, kết hợp lực lượng chính trị của quần chúng với lực lượng vũ trang trong nhân dân.

– Từ đầu năm 1924, Nguyễn Ái Quốc đã đề cập khả năng một cuộc vũ trang khởi nghĩa ở Đông Dương.

– Tháng 5-1941, tại Hội nghị lần thứ tám, Người đưa ra nhận định: **Cuộc cách mạng Đông Dương** kết liễu bằng một cuộc khởi nghĩa vũ trang, mở đầu có thể là bằng một cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương... mà mở đường cho một cuộc tổng khởi nghĩa.

Thực tiễn cách mạng tháng Tám năm 1945, với hình thức phát động tổng khởi nghĩa của quần chúng nhân dân trong cả nước, chủ yếu dựa vào lực lượng chính trị, đấu tranh chính trị, kết hợp với đấu tranh vũ trang, cách mạng Việt Nam đã giành thắng lợi, giành chính quyền về tay nhân dân.

- TTHCM về đặc trưng của CNXH ở Việt Nam.

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội

a. Quan niệm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội

Hồ Chí Minh tiếp cận Chủ nghĩa xã hội trên nhiều phương diện khác nhau như: Hồ Chí Minh tiếp thu lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học của lý luận Mác - Lênin trước hết là từ khát vọng giải phóng dân tộc Việt Nam

Hồ Chí Minh tiếp cận chủ nghĩa xã hội từ phương diện đạo đức. Người cho rằng: chủ nghĩa xã hội đối lập, xa lạ với chủ nghĩa cá nhân, nhưng không hề phủ nhận cá nhân, các giá trị cá nhân, phát triển mọi năng lực cá nhân vì phát triển xã hội và hạnh phúc con người.

Hồ Chí Minh tiếp cận chủ nghĩa xã hội từ phương diện văn hoá. Người đã đưa văn hoá thâm nhập vào bên trong chính trị và kinh tế, tạo nên một sự thống nhất biện chứng giữa văn hoá và chính trị, kinh tế, giữa các mục tiêu phát triển xã hội.

Hồ Chí Minh luận giải tính tất yếu và bản chất của chủ nghĩa xã hội trên cơ sở kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống văn hoá của dân tộc Việt Nam, của phương Đông.

Quan niệm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội là sự thống nhất biện chứng giữa các nhân tố kinh tế, chính trị, xã hội với các nhân tố nhân văn, đạo đức, văn hoá.

Hồ Chí Minh quan niệm chủ nghĩa xã hội là giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản. Chủ nghĩa xã hội còn tồn tại những tàn dư của xã hội cũ, nhưng chủ nghĩa xã hội không còn áp bức, bóc lột, xã hội do nhân dân lao động làm chủ, trong đó con người sống ấm no, tự do, hạnh phúc, quyền lợi của cá nhân và tập thể vừa thống nhất vừa gắn bó chặt chẽ với nhau.

b. Tiến lên chủ nghĩa xã hội là một tất yếu khách quan

Hồ Chí Minh đã tiếp thu, vận dụng sáng tạo lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về sự phát triển tất yếu của xã hội loài người theo các hình thái kinh tế xã hội. Quan điểm của Người là: Tiến lên chủ nghĩa xã hội là bước phát triển tất yếu ở Việt Nam sau khi nước nhà đã giành được độc lập theo con đường cách mạng vô sản. Nội dung cơ bản của học thuyết về hình thái kinh tế - xã hội được Hồ Chí Minh giải thích đơn giản: “Cách sản xuất và sức sản xuất phát triển và biến đổi mãi, do đó, mà tư tưởng của con người, chế độ xã hội, v. v ... cũng phát triển và biến đổi. Chúng ta đều biết từ đời xưa đến đời nay cách sản xuất từ chỗ dùng cày, búa đá, phát triển dần đến máy móc, sức điện, sức nguyên tử. Chế độ xã hội cũng phát triển từ cộng sản nguyên thủy, đến chế độ nô lệ, đến chế độ phong kiến, đến chế độ tư bản chủ nghĩa và ngày nay gần một nửa loài người đang tiến lên chế độ xã hội chủ nghĩa và chế độ cộng sản chủ nghĩa. Sự phát triển và tiến bộ đó không ai ngăn cản được”

Như vậy, theo Hồ Chí Minh, tiến lên chủ nghĩa xã hội là một quá trình tất yếu, tuân theo những quy luật khách quan của quá trình sản xuất vật chất của nhân loại; song tùy theo điều kiện hoàn cảnh lịch sử của mỗi quốc gia, dân tộc mà con đường đi lên chủ nghĩa xã hội có những hình thức, phương thức khác nhau. Những nước đã trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa có thể tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội; những nước chưa qua giai đoạn phát triển này, có thể đi lên chủ nghĩa xã hội sau khi đã “đánh đổ đế quốc và phong kiến” dưới sự lãnh đạo của Đảng vô sản và được chủ nghĩa Mác Lênin dẫn đường. Hồ Chí Minh đã chỉ rõ quy luật chung cũng như tính đặc thù trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội trên thế giới.

Với Việt Nam, trải qua hàng nghìn năm thống trị của chế độ phong kiến, gần 100 chịu ách thống trị của đế quốc thực dân, nhiều khuynh hướng cứu nước giải phóng dân tộc đã được thực hiện nhưng không đem lại kết quả cuối cùng mà dân tộc khao khát đạt được. “Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới là nguồn gốc của tự do, bình đẳng, bác ái, xóa bỏ những bức tường dài ngăn cản con người yêu đoàn kết, yêu thương nhau”

c. Một số đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa

Trên nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh quan niệm chủ nghĩa xã hội là một xã hội có bản chất đối lập với các chế độ dựa trên sở hữu tư nhân tư liệu sản xuất trong lịch sử. Chủ nghĩa xã hội có nhiều đặc trưng căn bản

- Thứ nhất, về chính trị: Xã hội xã hội chủ nghĩa là xã hội có chế độ dân chủ.

Chế độ dân chủ trong xã hội xã hội chủ nghĩa được thể hiện trước hết là xã hội do nhân dân là chủ, nhân dân làm chủ dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản trên nền tảng của liên minh công - nông. Trong xã hội xã hội chủ nghĩa, địa vị cao nhất là nhân dân. Nhà nước trong xã hội xã hội chủ nghĩa là nhà nước của dân, do dân, vì dân. Mọi quyền lợi, quyền lực, quyền hạn thuộc về nhân dân và mọi hoạt động xây dựng, bảo vệ đất nước, bảo vệ chế độ xã hội cũng thuộc về nhân dân.

Tư tưởng cơ bản về đặc trưng chính trị trong xã hội xã hội chủ nghĩa của Hồ Chí Minh không những thể hiện tính nhân văn cao cả mà còn cho thấy nhận thức sâu sắc của Hồ Chí Minh về sức mạnh, địa vị, vai trò của nhân dân - chủ thể của tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội; về điều kiện của thắng lợi trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội: Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản,

đem tài dân, sức dân để làm lợi cho dân. Xã hội xã hội chủ nghĩa là công trình tập thể của nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng.

- Thứ hai, về kinh tế: Xã hội xã hội chủ nghĩa là chế độ xã hội phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu.

Theo Hồ Chí Minh, chủ nghĩa xã hội là chế độ xã hội phát triển cao hơn chủ nghĩa tư bản, phải có nền kinh tế phát triển cao hơn nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, có năng suất lao động cao hơn, đó là nền kinh tế dựa trên lực lượng sản xuất tiên tiến dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất.

Hồ Chí Minh quan niệm lực lượng sản xuất hiện đại trong chủ nghĩa xã hội biểu hiện: công cụ lao động, các phương tiện của quá trình sản xuất “đã phát triển đến máy móc, sức điện, sức nguyên tử”. Quan hệ sản xuất trong xã hội xã hội chủ nghĩa là: Lấy nhà máy, xe lửa, ngân hàng...v.v. làm của chung, là tư liệu sản xuất thuộc về nhân dân. Đó là quan niệm về chế độ công hữu về tư liệu sản xuất trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Dĩ nhiên, phải hiểu xây dựng chế độ công hữu về tư liệu sản xuất là một quá trình lâu dài, gian khổ, phải trải qua nhiều bước trung gian, nhiều hình thức quá độ.

- Thứ ba, về văn hóa, đạo đức và các quan hệ xã hội: Xã hội xã hội chủ nghĩa có trình độ phát triển cao về văn hóa, đạo đức, bảo đảm sự công bằng, hợp lý trong các quan hệ xã hội.

Văn hóa đạo đức phản ánh đời sống vật chất, mặc dù nó có quy luật vận động riêng. Văn hóa, đạo đức được thể hiện ở tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, trước hết là ở các quan hệ xã hội. Hồ Chí Minh cho rằng sự phát triển của văn hóa và đạo đức xã hội xã hội chủ nghĩa thể hiện: xã hội không còn chế độ người bóc lột người, con người được tôn trọng, được đảm bảo đối xử công bằng, bình đẳng, các dân tộc đoàn kết, gắn bó với nhau.

Về quan hệ lợi ích, Hồ Chí Minh cho rằng: Chỉ có dưới chủ nghĩa xã hội mới “Chú ý xem xét những lợi ích cá nhân đúng đắn và đảm bảo cho nó được thỏa mãn”; “chỉ ở trong chế độ xã hội chủ nghĩa thì mỗi người mới có điều kiện để cải thiện đời sống riêng của mình, phát huy tính cách riêng, sở trường riêng”.

Hồ Chí Minh quan niệm: Chủ nghĩa xã hội là cơ sở, là tiền đề để tiến tới chế độ xã hội hòa bình, đoàn kết, ấm no, tự do, hạnh phúc, bình đẳng, bác ái, việc làm cho mọi người và vì mọi người; không còn phân biệt chủng tộc, không còn gì có thể ngăn cản những người lao động hiểu nhau và thương yêu nhau. Trong xã hội xã hội chủ nghĩa các mối quan hệ xã hội được đảm bảo công bằng và hợp lý. Đó là một chế độ xã hội đem lại quyền bình đẳng trước pháp luật cho mọi công dân; các cộng đồng người đoàn kết chặt chẽ trên cơ sở bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ; ai cũng phải lao động và có quyền lao động, ai cũng được hưởng thành quả lao động của mình trên nguyên tắc làm nhiều thì hưởng nhiều, làm ít thì hưởng ít, không làm thì không hưởng, tất nhiên là trừ những người chưa có khả năng lao động hoặc không còn khả năng lao động

- Thứ tư, về chủ thể xây dựng chủ nghĩa xã hội: Chủ nghĩa xã hội là công trình tập thể của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Lịch sử đấu tranh giai cấp, từ xã hội chiếm

hữu nô lệ trải qua xã hội phong kiến rồi đến xã hội tư bản, những cuộc đấu tranh của nhân dân lao động diễn ra ngày càng quyết liệt nhằm thủ tiêu chế độ người bóc lột người.

Trong chế độ xã hội chủ nghĩa - chế độ dân chủ nhân dân, do nhân dân làm chủ, lợi ích của cá nhân gắn liền với lợi ích của chế độ xã hội nên chính nhân dân là chủ thể, là lực lượng quyết định tốc độ xây dựng và sự vững mạnh của chủ nghĩa xã hội. Trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh khẳng định “Cần có sự lãnh đạo của một đảng lãnh đạo chân chính của giai cấp công nhân, toàn tâm, toàn ý phục vụ nhân dân. Chỉ có sự lãnh đạo của một đảng biết vận dụng một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác -Lênin vào điều kiện cụ thể của nước mình thì mới có thể đưa cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội chủ nghĩa đến thành công”

Chương 4: Tư tưởng HCM về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì dân :

1. TT HCM về những nguyên tắc xây dựng Đảng.

- Đảng lấy chủ nghĩa Mác -Lênin làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động (nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam).
 - o Để huy động được sức mạnh toàn dân thực hiện mục tiêu cách mạng: Đảng phải vững, muốn vững phải có chủ nghĩa làm cốt.
 - o Hồ Chí Minh đã khẳng định rõ: Chủ nghĩa Mác-Lênin là lực lượng tư tưởng hùng mạnh chỉ đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam, làm cho Đảng trở thành hình thức tổ chức cao nhất của quần chúng lao động, hiện thân của trí tuệ, danh dự và lương tâm của dân tộc Việt Nam.
- **Nguyên tắc tập trung dân chủ**
 - o Hồ Chí Minh khẳng định đây là nguyên tắc cơ bản, xuyên suốt, bao trùm quá trình tồn tại và phát triển của Đảng.
 - o Tập trung: Đảng phải thống nhất về tư tưởng, tổ chức và hành động. Đảng ta tuy nhiều người nhưng khi tiến đánh thì chỉ như một người.
- **Nguyên tắc tự phê bình và phê bình**
 - o Hồ Chí Minh gọi đây là luật phát triển của đảng
 - o Người đã chỉ rõ: “Muốn đoàn kết chặt chẽ trong Đảng, ắt phải thống nhất tư tưởng, mở rộng dân chủ nội bộ, mở rộng tự phê bình và phê bình” Mục đích của phê bình và tự phê bình là làm cho Đảng mạnh về chính trị - tư tưởng – tổ chức.
 - o Hồ Chí Minh cũng chỉ rõ : Phải được tiến hành thường xuyên như người ta rửa mặt hàng ngày, phải kiên quyết, thẳng thắn, không nề nang, phải trung thực, thành khẩn, phải có tinh đồng chí thương yêu lẫn nhau.
- **Nguyên tắc kỷ luật nghiêm minh, tự giác.**
 - o Sức mạnh vô địch của Đảng là tinh thần kỷ luật tự giác, ý thức nghiêm minh của cán bộ, đảng viên.

- o Nghiêm minh là thuộc về tổ chức Đảng vì: đó là kỷ luật đối với mọi cán bộ, đảng viên, không phân biệt cán bộ lãnh đạo cao hay thấp, hay là cán bộ, đảng viên thường
- o Tự giác là thuộc về mỗi cán bộ, đảng viên: tuân thủ kỷ luật Đảng cũng phải tự giác, tự giác về nhiệm vụ của họ đối với Đảng.
- o Yêu cầu cao nhất của kỷ luật Đảng là chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng, các nguyên tắc tổ chức, lãnh đạo và sinh hoạt của Đảng

- Nguyên tắc đoàn kết, thống nhất trong Đảng.

- o Đoàn kết thống nhất trong Đảng không những tăng cường sức mạnh của Đảng mà còn là cơ sở đoàn kết thống nhất trong toàn dân
- o Đảng viên phải tu dưỡng đạo đức thường xuyên, chống chủ nghĩa cá nhân

- Đảng phải liên hệ mật thiết với nhân dân

- o Đảng Cộng sản Việt Nam là một bộ phận của dân tộc Việt Nam. Mọi quan hệ giữa Đảng với giai cấp và dân tộc là mối quan hệ khăng khít, gắn bó thống nhất hữu cơ với nhau.
- o Đảng Cộng sản Việt Nam hoạt động với mục đích: giành độc lập cho dân tộc, hạnh phúc cho nhân dân và xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- o Đảng Cộng Sản Việt Nam là đội tiên phong chiến đấu không những của giai cấp công nhân mà còn là đội tiên phong chiến đấu của nhân dân lao động và của cả dân tộc

-Đảng phải thường xuyên tự chỉnh đốn

- Quyền lực của Đảng do giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc giao phó.Đảng muốn vươn lên ngang tầm với nhiệm vụ lịch sử thì Đảng phải thường xuyên tự chỉnh đốn, đổi mới.

- Đoàn kết quốc tế.

- Đảng phải chú trọng giữ vững và tăng cường mối quan hệ quốc tế trong sáng Trong Di chúc, Người mong Đảng ta “sẽ ra sức hoạt động, góp phần đặc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết thống nhất giữa các đảng anh em trên nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý có tình.

TTHCM về Nhà nước (Nhà nước của dân, do dân, vì dân)

Thể hiện ở ba khía cạnh :

1. Nhà nước dân chủ

a. Bản chất giai cấp của Nhà nước

Bản chất của Nhà nước ta là nhà nước dân chủ nhân dân trên nền tảng công - nông liên minh do giai cấp công nhân lãnh đạo. Bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước ta được biểu hiện trước hết ở chỗ:

- Một là, Đảng Cộng sản Việt Nam giữ vị trí và vai trò cầm quyền .Minh chứng rõ nhất .Hiến pháp năm 1959 khẳng định: “Nhà nước của ta là Nhà nước dân chủ nhân dân, dựa trên nền tảng liên minh công nông do giai cấp công nhân lãnh đạo”.
- Hai là, bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước ta thể hiện ở tính định hướng xã hội chủ nghĩa của sự phát triển đất nước.
- Ba là, bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước ta thể hiện ở nguyên tắc tổ chức và hoạt động cơ bản của nó là nguyên tắc tập trung dân chủ. Các cơ quan từ Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân đều hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ,tất cả quyền lực thuộc về nhân dân.

Bản chất giai cấp công nhân thống nhất với tính nhân dân, tính dân tộc được thể hiện ở các quan điểm sau:

- Một là, Nhà nước dân chủ mới của ta là kết quả đấu tranh gian khổ, lâu dài với sự hy sinh của nhiều thế hệ người Việt Nam yêu nước
- Hai là, Nhà nước ta bảo vệ lợi ích của nhân dân, lấy lợi ích dân tộc làm nền tảng..
- Ba là, Nhà nước mới vừa ra đời đã đảm nhận nhiệm vụ lịch sử giao phó

b. Nhà nước của nhân dân

.Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Trong nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa của chúng ta, tất cả mọi quyền lực đều là của nhân dân”¹

Trong Điều 1 Hiến pháp 1946 khẳng định: “*Nước Việt Nam là một nước dân chủ cộng hoà, tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo*”. .

Nhân dân thực thi quyền lực của mình thông qua hai hình thức dân chủ :**dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp.**

Nhân dân có quyền kiểm soát, phê bình nhà nước, có quyền bãi miễn những đại biểu mà họ đã lựa chọn, bầu ra và có quyền giải tán những thiết chế quyền lực mà họ đã lập nên. . Hồ Chí Minh chỉ rõ: Một nhà nước thật sự của dân, là một nhà nước, luôn “mong đồng bào giúp đỡ, đôn đốc, kiểm soát và phê bình để làm tròn nhiệm vụ của mình là người đầy tớ thật trung thành và tận tụy của nhân dân”¹ , thậm chí “nếu Chính phủ làm hại dân thì dân có quyền đuổi Chính phủ”.

Luật pháp dân chủ và là công cụ quyền lực của nhân dân .Trong nhà nước của nhân dân thì dân là chủ, người dân được hưởng mọi quyền dân chủ, nghĩa là có quyền làm bất cứ việc gì mà pháp luật không cấm và có nghĩa vụ tuân theo pháp luật.

c. Nhà nước do nhân dân

Đó là nhà nước do dân lựa chọn, bầu ra những đại biểu của mình,nhà nước đó do dân ủng hộ, giúp đỡ, đóng thuế để nhà nước chi tiêu, hoạt động; nhà nước đó lại do dân phê bình, xây dựng

Nhà nước do dân, nhân dân tham gia quản lý được thể hiện trên các nội dung sau :

- Công dân tham gia bầu cử ra Quốc hội- cơ quan quyền lực cao nhất của xã hội, cơ quan lập pháp
- Mọi công việc của bộ máy nhà nước trong việc quản lý xã hội đều thực hiện ý chí của nhân dân.

d. Nhà nước vì nhân dân

Đó là nhà nước phục vụ cho lợi ích và nguyện vọng chính đáng của nhân dân, ngoài ra không vì bất cứ một lợi ích nào khác. Đó là một nhà nước không có đặc quyền, đặc lợi, thực sự trong sạch, cần, kiệm, liêm, chính:

Trong Di chúc, Bác Hồ nhắc nhở cán bộ, Đảng viên phải làm thế nào để xứng đáng:

- Là người đầy tớ trung thành, tận tụy, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ.
- Là người lãnh đạo thì phải có trí tuệ hơn người, minh mẫn sáng suốt, nhìn xa trông rộng, gần gũi nhân dân, trọng dụng hiền tài

2. Nhà nước pháp quyền

a. Nhà nước hợp pháp, hợp hiến

HCM Người đã sớm nhận thức tầm quan trọng của Hiến pháp và pháp luật trong đời sống chính trị xã hội. Vì vậy ngay sau khi giành được chính quyền, Hồ Chí Minh đã thay mặt Chính phủ lâm thời đọc bản Tuyên ngôn độc lập, tuyên bố với quốc dân đồng bào và thế giới về sự khai sinh của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa mới, qua đó biểu dương lực lượng và ý chí của toàn thể dân tộc Việt Nam quyết tâm giữ vững nền tự do, độc lập của mình.

Trong phiên họp đầu tiên của chính phủ. Người đã đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu. Sau đó là lập ra các tổ chức, bộ máy, phê chuẩn các chức vụ chính thức của nhà nước

Từ đó Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là chính phủ có đầy đủ tư cách pháp lý để giải quyết những vấn đề đối nội, đối ngoại của nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

b. Nhà nước thượng tôn pháp luật

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, nhà nước quản lý xã hội bằng Hiến pháp và Pháp luật. Vì vậy:

- Hồ Chí Minh chú trọng đưa pháp luật vào trong đời sống, đảm bảo cho pháp luật được thi hành và có cơ chế giám sát việc thi hành pháp luật.
- Nêu cao tính nghiêm minh của pháp luật.

c. Pháp quyền nhân nghĩa

Pháp quyền nhân nghĩa trước hết theo Hồ Chí Minh là Nhà nước phải tôn trọng, bảo đảm thực hiện đầy đủ các quyền con người, chăm lo đến lợi ích của mọi người.

Pháp quyền nhân nghĩa còn được thể hiện ở tính nhân văn, khuyến thiện:

- Ngay khi Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời, đã lập tức tuyên bố xóa bỏ mọi luật pháp hà khắc của chính quyền thực dân phản động, bảo vệ những quyền cơ bản của con người.

- oLuật pháp của Nhà nước mới ra đời đã ghi nhận đầy đủ và bảo vệ quyền con người; thể hiện ở tính nghiêm minh nhưng khách quan và công bằng trong việc thực thi pháp luật, chống đối xử một cách dã man với con người.
- oTính nhân văn còn thể hiện ngay trong cách đối xử với những kẻ phản bội Tổ quốc, phản bội nhân dân.

3. Nhà nước trong sạch, vững mạnh

a. Kiểm soát quyền lực nhà nước

- Giữ vững bản chất Nhà nước, đảm bảo nhà nước hoạt động có hiệu, thực hiện quyền lực thuộc về nhân dân.
- Nhân dân có quyền kiểm soát quyền lực nhà nước.

b. Phòng chống tiêu cực trong nhà nước

- Đặc quyền, đặc lợi
 - Tham ô, lãng phí, quan liêu
 - Tư túng, chia rẽ, kiêu ngạo
- Phòng, chống tiêu cực trong bộ máy nhà nước là rất khó khăn, nó là công việc phải tiến hành thường xuyên, lâu dài. Hồ Chí Minh đã nêu lên những biện pháp khác nhau, trong những thời điểm khác nhau. Khái quát lại, có thể thấy một số biện pháp nổi bật sau:
- .Nâng cao trình độ làm chủ trong xã hội, thực hành dân chủ rộng rãi, phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Đây là biện pháp căn bản có ý nghĩa lâu dài.
 - Pháp luật của Nhà nước, kỷ luật của Đảng phải nghiêm minh. Công tác kiểm tra phải thường xuyên. Cán bộ, đảng viên phải nghiêm túc và tự giác tuân thủ pháp luật, kỷ luật.
 - Phạt nghiêm minh, nghiêm khắc, đúng người, đúng tội cần thiết, song việc gì cũng xử phạt lại không đúng. Cần coi trọng giáo dục, lấy giáo dục cảm hóa làm chủ yếu.
 - Cán bộ phải đi trước làm gương, cán bộ giữ chức vụ càng cao, trách nhiệm nêu gương càng lớn. Cán bộ, người đứng đầu có ý thức nêu gương tu dưỡng đạo đức, chống tiêu cực, sẽ có tác động rất mạnh mẽ đến cấp dưới, đến nhân dân, góp phần gây nên những đức tính tốt trong nhân dân. Đây chính là nét đức sức trong văn hóa chính trị Việt Nam
 - .Phải huy động sức mạnh chủ nghĩa yêu nước vào cuộc chiến chống lại tiêu cực trong con người, trong xã hội và trong bộ máy nhà nước. Bất kể người Việt Nam nào có lòng yêu nước đều phải có trách nhiệm tư dưỡng và thực hành đạo đức cách mạng, góp phần xây dựng nhà nước trong sạch, vững mạnh.

Chương 5: Tư tưởng HCM về đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế

TTHCM về đoàn kết dân tộc (hình thức, nguyên tắc tổ chức của khối đại đoàn kết toàn dân tộc - Mặt trận Dân tộc thống nhất) và vận dụng trong giai đoạn hiện nay.

Hình thức của khối đại đoàn kết toàn dân tộc - Mặt trận Dân tộc thống nhất

•Đại đoàn kết dân tộc phải biến thành sức mạnh vật chất, trở thành lực lượng vật chất có tổ chức. Tổ chức đó là mặt trận dân tộc thống nhất.

•Sức mạnh của toàn dân tộc chỉ có được khi được tập hợp, tổ chức thành một khối vững chắc được giác ngộ về mục tiêu chiến đấu chung và hoạt động theo đường lối chính trị đúng đắn trong mặt trận dân tộc thống nhất..

•Mặt trận dân tộc thống nhất có các tên gọi qua các thời kỳ như sau:

- ✓ 1930 Hội phản đế đồng minh
- ✓ 1936 : Mặt trận Dân chủ
- ✓ 1939 : Mặt trận nhân dân phản đế
- ✓ 1941 : Mặt trận Việt Minh
- ✓ 1951 : Mặt trận Liên Việt
- ✓ 1960: Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam
- ✓ 1955,1976 : Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Nguyên tắc xây dựng và hoạt động của Mặt trận dân tộc thống nhất

1.Mặt trận dân tộc thống nhất phải được xây dựng trên nền tảng khối liên minh công - nông - trí thức, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng.

- Lấy liên minh công nông làm nền tảng
- Phải thấy vai trò và sự cần thiết phải liên minh với các giai cấp khác, nhất là với đội ngũ trí thức
- Đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng
- Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là thành viên, vừa là lực lượng lãnh đạo, Đảng không có lợi ích riêng, mà gắn liền với lợi ích toàn xã hội, toàn dân tộc.
- Đảng lãnh đạo đối với mặt trận thể hiện ở khả năng nắm bắt thực tiễn, phát hiện ra quy luật khách quan sự vận động của lịch sử để vạch đường lối và phương pháp Cách mạng phù hợp.
- Lãnh đạo Mặt trận hoàn thành nhiệm vụ của mình là đấu tranh giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp, kết hợp độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội

2. Mặt trận dân tộc thống nhất hoạt động theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ, bảo đảm đoàn kết ngày càng rộng rãi và bền vững

- Mặt trận dân tộc thống nhất là tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn của cả dân tộc, bao gồm nhiều giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo khác nhau. Hoạt động của Mặt trận phải dựa trên nguyên tắc hiệp thương dân chủ
- Mọi vấn đề của Mặt trận đều phải được đem ra để tất cả các thành viên cùng nhau bàn bạc công khai, để đi đến nhất trí, loại trừ mọi sự áp đặt hoặc dân chủ hình thức
- Những lợi ích riêng chính đáng, phù hợp với lợi ích chung cần được tôn trọng, riêng biệt, không phù hợp sẽ giải quyết bằng lợi ích chung, bằng sự nhận thức ngày càng đúng đắn hơn về mối quan hệ giữa lợi ích chung và lợi ích riêng

3. Mặt trận dân tộc thống nhất là khối đoàn kết chặt chẽ, lâu dài, đoàn kết thật sự, chân thành, thân ái giúp nhau cùng tiến bộ.

- Trong Mặt trận, các thành viên có những điểm tương đồng nhưng cũng có những điểm khác biệt, nên cần có sự bàn bạc để đi đến nhất trí.

- Đoàn kết thực sự nghĩa là vừa đoàn kết, vừa đấu tranh, học cái tốt của nhau, phê bình cái sai của nhau và phê bình trên lập trường thân ái, vì nước, vì dân

TTHCM về đoàn kết dân tộc vận dụng trong giai đoạn hiện nay.

a) Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng.

Về đại đoàn kết toàn dân tộc, Đảng Cộng sản Việt Nam nhận thức tầm quan trọng của vấn đề đại đoàn kết toàn dân tộc qua các văn bản:

- Nghị quyết 07/NQ-TW
- Đại hội Đảng lần thứ VIII (1996), IX (2001), X (2006), XI (2011)
- Đại hội Đảng lần thứ XII (2016)
- Đại hội Đảng lần thứ XIII (2021)

Về đoàn kết quốc tế, Đảng ta vận dụng sáng tạo tư tưởng đoàn kết quốc tế của chủ tịch HCM trong việc hoạch định chủ trương, đường lối:

- Đại hội VII: Tuyên bố “muốn là bạn”
- Đại hội VII: “Sẵn sàng là bạn”
- Đại hội IX: “Là bạn và đối tác tin cậy”
- Đại hội XII: “Quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, có hiệu quả. Vị thế, uy tín quốc tế của nước ta tiếp tục được nâng cao”

Qua hơn 35 năm đổi mới, tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc được Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng một cách sáng tạo trong quá trình xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Từ tuyên bố “muốn làm bạn” (Đại hội XII) đến “sẵn sàng làm bạn” (Đại hội XIII). Từ quan điểm “là bạn và đối tác tin cậy” của Đại hội IX đến khẳng định của Đại hội XII; “Quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, có hiệu quả. Vị thế, uy tín của nước ta tiếp tục được nâng cao”.² Tinh thần đoàn kết quốc tế, huy động tối đa sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại để đảm bảo lợi ích quốc gia, giữ vững độc lập, tự chủ, vì hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

b) Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh công - nông - trí dưới sự lãnh đạo của Đảng

- Tư tưởng đại đoàn kết toàn dân tộc → trở thành **quan điểm xuyên suốt** đường lối chiến lược của Đảng Cộng sản Việt Nam .
- Thực tiễn lịch sử cũng chứng minh rằng, Mặt trận dân tộc thống nhất càng rộng rãi thì sức mạnh của khối liên minh công - nông - trí càng tăng, sự lãnh đạo của Đảng càng vững chắc, đồng thời khối liên minh giai cấp, tầng lớp càng được củng cố, sự lãnh đạo của Đảng càng được tăng cường thì Mặt trận dân tộc thống nhất càng được mở rộng và sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc càng được nhân lên gấp bội

- Theo Người, đoàn kết làm nên **sức mạnh** và là **cội nguồn** của mọi thành công: “Đoàn kết là một lực lượng vô địch của chúng ta để khắc phục khó khăn, giành lấy thắng lợi”; “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; Thành công, thành công, đại thành công”
- Đại hội XIII của Đảng nhận định “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân có đổi mới cả về nội dung và phương thức hoạt động; phát huy ngày càng tốt hơn vai trò tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc; cùng Đảng, Nhà nước chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; tham gia xây dựng Đảng, quản lý nhà nước, quản lý xã hội; thường xuyên tổ chức các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước, góp phần tích cực vào những thành tựu chung của đất nước”.
- Để tăng cường sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc cần tập trung các vấn đề:
 - **Đẩy mạnh tuyên truyền** để các cấp, ngành, lực lượng nhận thức về sự cần thiết phải tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc.
 - **Tăng cường sự lãnh đạo** của Đảng, quản lý nhà nước và **thể chế hóa** đường lối chính sách của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc.
 - **Giải quyết** tốt quan hệ lợi ích giữa các giai cấp; **kết hợp** lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và lợi ích toàn xã hội.
 - **Tăng cường** mối quan hệ giữa nhân dân với Đảng, Nhà nước.
 - **Kiên quyết đấu tranh** với quan điểm sai trái, thù địch, phá hoại, chia rẽ.

c) Đại đoàn kết toàn dân tộc phải kết hợp với đoàn kết quốc tế.

Trong bối cảnh quốc tế hiện nay, phải tiếp tục phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh để tăng cường sức mạnh nội lực.

- Coi cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới.
- Ủng hộ đoàn kết, ủng hộ các phong trào cách mạng, các xu hướng và trào lưu tiến bộ của thời đại.

Các chủ trương nhằm nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, chủ động hội nhập kinh tế:

- Nêu cao nguyên tắc độc lập, tự chủ, tự cường
- Phát huy mạnh mẽ sức mạnh dân tộc, sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc
- Tranh thủ sự đồng tình ủng hộ rộng rãi của các lực lượng bên ngoài.

Để nâng cao hiệu quả kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại:

- Xác định rõ mục tiêu của đoàn kết là để thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.
- Mở cửa, hội nhập quốc tế, tham gia những vấn đề toàn cầu.
- Nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, tự cường, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

- Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; đổi mới và chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Chương 6: Tư tưởng HCM về văn hóa, đạo đức và con người

TTHCM về khái niệm văn hóa và vai trò của văn hóa

1. Một số nhận thức chung về văn hóa và quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác.

a. Quan niệm của Hồ Chí Minh về văn hóa

Hồ chí Minh đưa ra định nghĩa về văn hóa: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là tổng hợp mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”

b. Quan điểm của Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác

Quan hệ giữa văn hóa với xã hội: Hồ Chí Minh cho rằng xã hội nào thì văn hóa ấy. Xã hội bị nô lệ thì văn hóa cũng bị nô dịch, xã hội được giải phóng thì văn hóa được mở đường phát triển. Khi cách mạng giải phóng dân tộc thành công, nước nhà độc lập thì văn hóa được giải phóng

Quan hệ giữa văn hóa với chính trị: Hồ Chí Minh quan niệm trong xã hội có bốn lĩnh vực có mối quan hệ mật thiết với nhau là kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Chính trị chưa được giải phóng, thì văn hóa còn bị nô dịch. Ngược lại, văn hoá phải ở trong chính trị, có nghĩa là văn hoá phải tham gia thực hiện những nhiệm vụ chính trị, góp phần giành độc lập dân tộc, củng cố, bảo vệ vai trò của chính quyền nhà nước trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chính trị.

Quan hệ giữa văn hóa với kinh tế: kinh tế thuộc về cơ sở hạ tầng , Văn hóa thuộc kiến trúc thượng tầng. Cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng, đời sống vật chất quyết định đời sống văn hóa . Văn hoá phải ở trong kinh tế và chính trị, có nghĩa là văn hoá phải tham gia thực hiện những nhiệm vụ chính trị, thúc đẩy xây dựng, phát triển kinh tế. Văn hoá phải ở trong kinh tế và chính trị, điều đó cũng có nghĩa kinh tế và chính trị cũng phải có tính văn hoá, điều mà chủ nghĩa xã hội và thời đại đang đòi hỏi.

Về giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu văn hóa nhân loại: Bản sắc văn hóa dân tộc là những giá trị văn hóa bền vững tồn tại trong suốt quá trình lịch sử của cộng đồng dân tộc Việt Nam. :theo người “dân ta phải biết sử ta, cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam”, Muốn giữ gìn

bản sắc văn hóa dân tộc thì cũng phải vận dụng quy luật của văn hóa, Hồ Chí Minh có chủ đích tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại là để làm giàu văn hóa Việt Nam, xây dựng nền văn hóa phù hợp với tinh thần dân chủ, cái gì tốt thì học để bổ xung vào cái gốc của giá trị văn hóa dân tộc.

2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa.

a. Văn hóa là mục tiêu, động lực của sự nghiệp cách mạng

- **Văn hoá là mục tiêu :** Hồ Chí Minh xác định mục tiêu của cách mạng Việt Nam là đấu tranh giành độc lập dân tộc và đi lên chủ nghĩa xã hội . Chủ nghĩa xã hội được xây dựng trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội
=> Văn hoá là một trong các mục tiêu chung của tiến trình cách mạng Việt Nam.
- **Văn hoá là động lực :** Trong tư tưởng Hồ Chí Minh động lực thúc đẩy phát triển đất nước bao gồm động lực vật chất và động lực tinh thần.... tiếp cận động lực phát triển đất nước dưới góc độ văn hóa có thể tiếp cận trên những phương diện sau đây:

Văn hóa chính trị là yếu tố có ý nghĩa soi đường cho quốc dân đi, lãnh đạo quốc dân thực hiện độc lập, tự chủ, tự cường.

Văn hóa giáo dục diệt giặc dốt, giúp con người hiểu biết những quy luật của tự nhiên, xã hội và tư duy, vươn lên làm chủ tự nhiên xã hội và bản thân mình .Xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, đội ngũ cán bộ phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Văn hóa văn nghệ góp phần giáo dục lòng yêu nước, lý tưởng cách mạng, sự lạc quan, ý chí, quyết tâm và niềm tin vào sự thắng lợi của sự nghiệp cách mạng.

Văn hóa đạo đức, lối sống nâng cao phẩm giá, phong cách lành mạnh cho con người, hướng con người tới các giá trị vĩnh hằng của nhân loại: chân - thiện – mỹ. Hồ Chí Minh quan niệm đạo đức là gốc của con người, của người cách mạng

Văn hóa pháp luật bảo đảm cho xã hội thượng tôn pháp luật, dân chủ được phát huy, trật tự, kỷ cương phép nước được giữ vững.

=> để đi đến khẳng định văn hóa là động lực thúc đẩy sự phát triển của cách mạng đi đến những thành công trong sự nghiệp cách mạng.

b. Văn hóa là một mặt trận

- Văn hoá là một lĩnh vực có tính độc lập, có mối liên hệ mật thiết với các lĩnh vực khác

- Văn hóa là mặt trận vì vậy, nghệ sỹ là chiến sỹ trên mặt trận văn hóa . Nghệ sỹ phải bám sát cuộc sống thực tiễn, phê bình các hiện tượng tiêu cực như tham ô, lãng phí, quan liêu, lười biếng... đồng thời phát hiện và ca tụng chân thật những người tốt, việc tốt để làm gương mẫu cho chúng ta hôm nay và con cháu mai sau, đó là chất thép của văn nghệ sỹ trong sự nghiệp cách mạng.

c.Văn hóa phục vụ quần chúng nhân dân

- Sức sống của các tác phẩm nghệ thuật phụ thuộc vào sự ảnh hưởng của nó đối với đời sống xã hội.
- Nghệ sỹ, chiến sỹ trên mặt trận văn hóa chỉ được xã hội tôn vinh nếu hoạt động của họ thấm vào đời sống thực tiễn của nhân dân. Theo Hồ Chí Minh văn hóa xuất phát từ thực tiễn, phản ánh cuộc sống phong phú đa dạng của quần chúng nhân dân, phản ánh khát vọng của quần chúng nhân dân, phục vụ nhân dân.

Tư tưởng HCM về những nguyên tắc xây dựng đạo đức mới, liên hệ với sinh viên hiện nay.

Những nguyên tắc xây dựng đạo đức mới,

a. Nói đi đôi với làm, nêu gương về đạo đức

- Là nguyên tắc hàng đầu, quan trọng nhất trong xây dựng nền đạo đức mới
- Là nguyên tắc xuyên suốt trong quan niệm của Hồ Chí Minh về đạo đức
- Nêu gương về đạo đức, đây là nguyên tắc đạo đức Thân giáo của truyền thống đạo đức phương Đông. Hồ Chí Minh đã vận dụng vào việc xây dựng đạo đức cách mạng ,một trăm bài diễn văn hay không bằng một tấm gương sống. Người yêu cầu cán bộ, đảng viên phải thật sự làm tấm gương cho quần chúng noi theo. Hô hào dân tiết kiệm, mình phải tiết kiệm trước đã. Theo Người, Đảng viên đi trước, làng nước đi sau
- Hồ Chí Minh là một tấm gương sáng tuyệt vời về nói đi đôi với làm. Đạo đức cách mạng là đạo đức luôn được nhận thức và giải quyết trên lập trường của giai cấp công nhân, phục vụ lợi ích của cách mạng. Điều này phân biệt rạch ròi với thói đạo đức giả, đạo đức của giai cấp bóc lột với những bản chất nói nhiều, làm ít, nói mà không làm...
- Nói đi đôi với làm còn nhằm chống thói đạo đức giả. Nói không đi đôi với làm sẽ dẫn tới nguy cơ làm mất lòng tin của dân đối với Đảng và chế độ mới.

b.Xây đi đôi với chống

- . Xây tức là xây dựng các giá trị, chuẩn mực, hành vi đạo đức mới. Chống là chống biểu hiện của những hành vi vô đạo đức, chống sự suy thoái của đạo đức cách mạng.
- xây phải đi đôi với chống, muốn xây phải chống, chống mục đích để xây, xây dựng đạo đức cách mạng là chính.
- Xây dựng đạo đức cách mạng trước hết phải tiến hành bằng việc giáo dục những phẩm chất, chuẩn mực đạo đức mới - đạo đức cách mạng. Giáo dục đạo đức mới ngay từ trong gia đình đến nhà trường và xã hội
- Xây dựng đạo đức phải được tiến hành thường xuyên, liên tục. Quá trình xây dựng đạo đức là quá trình đồng thời xây dựng những phẩm chất đạo đức mới với quá trình loại bỏ dần những cái sai, cái xấu trong mỗi con người.
- Chống lại cái xấu, cái sai, cái vô đạo đức vẫn thường xuyên diễn ra.

c. Tu dưỡng đạo đức suốt đời

- Tu dưỡng đạo đức là một truyền thống tốt đẹp của dân tộc và văn hóa phương Đông. Hồ Chí Minh nói: “Chúng ta phải nhớ câu “Chính tâm, tu thân” để “trị quốc bình thiên hạ”. Dù khó khăn gian khổ, nhưng muốn cải tạo thì nhất định thành công.
- Mỗi người cần phải nhìn thẳng vào mình, phải kiên trì rèn luyện, tu dưỡng bền bỉ suốt đời phải như công việc rửa mặt hàng ngày. Nếu không sẽ dễ sa vào chủ nghĩa cá nhân thì có thể ngày hôm qua có công với cách mạng, nhưng ngày hôm nay lại có tội với nhân dân.
- Đạo đức cách mạng là nhằm giải phóng và đem lại hạnh phúc, tự do cho con người, đó là đạo đức của những con người được giải phóng. Vì vậy, tu dưỡng đạo đức phải gắn liền với hoạt động thực tiễn, trên tinh thần tự giác, tự nguyện, dựa vào lương tâm và trách nhiệm của mỗi người

liên hệ với sinh viên hiện nay..

a. Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh

– *Xác định đúng vị trí và vai trò của đạo đức đối với cá nhân*

Hồ Chí Minh cho rằng việc tu dưỡng đạo đức của mỗi cá nhân, mỗi con người có vai trò vô cùng quan trọng đặc biệt là thế hệ trẻ, vì họ là người chủ tương lai của nước nhà, là cái cầu nối giữa các thế hệ.

– *Kiên trì tu dưỡng theo các phẩm chất đạo đức Hồ Chí Minh.*

Trong bài nói tại đại hội sinh viên VN lần thứ hai ; 7/5/1958; những phẩm chất đó đc người tóm tắt trong 6 cái yêu

- Yêu tổ quốc, yêu nhân dân: là phải làm sao cho tổ quốc ta giàu mạnh, biết chia sẻ những lo lắng vui buồn với nhân dân.
 - Cần cù sáng tạo trong học tập.
 - Sống nhân nghĩa có đạo lý.
- *Tu dưỡng theo các nguyên tắc đạo đức Hồ Chí Minh.*
- Kiên trì tu dưỡng đạo đức CM.
 - Nói đi đôi với làm.

- + Kết hợp giữa xây đạo đức mới và chống biểu hiện suy thoái đạo đức.

b. Nội dung học tập theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh

- Một là, học trung với nước học hiếu với dân, suốt đời đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người
- Hai là, học cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, đời riêng trong sáng, nếp sống giản dị và đức tính khiêm tốn phi thường
- Ba là, học đức tin tuyệt đối vào sức mạnh của nhân dân, kính trọng nhân dân và hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân; luôn nhân ái, vị tha, khoan dung và nhân hậu với con người
- Bốn là, học tấm gương về ý chí và nghị lực tinh thần to lớn, quyết tâm vượt qua mọi thử thách, gian nguy để đạt được mục đích cuộc sống.